

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00135234
Mã số kết quả : AR-23-VD-143306-01-VI / EUVNHC-00237837



Công ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Biên Hòa
Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Tên mẫu : Đường Thanh Thiên Nhiên
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong túi zip
Ngày nhận mẫu : 19/10/2023
Thời gian thử nghiệm : 20/10/2023 - 30/10/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 02/11/2023
Mã số PO của khách hàng : NA9J2310192419

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD340 VD (a) <i>Coliforms</i>	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD354 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	MPN/ g	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)	Không phát hiện (LOD=0)
3	VD368 VD (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)	Không phát hiện
4	VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ g	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=10)
5	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1:2013)	Không phát hiện (LOD=10)
6	VD0GC VD Tổng số bào tử nấm men & nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
7	VD290 VD (a) Sulfur dioxide (SO ₂)	mg/ kg	AOAC 990.28	Không phát hiện (LOD=3)
8	VD638 EXT Độ Pol ở 20°C	°Z	GS 1/2/3/9 - 1(2011) ICUMSA	83.9
9	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
10	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
11	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
12	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
13	VDG3L VD (a) Glyphosate	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5204	Không phát hiện (LOD=0.003)
14	VD630 VD Màu sắc		EVN-R-RD-2-TP-3552	Màu nâu vàng đến nâu đặc trưng của sản phẩm.
15	VD630 VD Mùi		EVN-R-RD-2-TP-3552	Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
16	VD630 VD Trạng thái		EVN-R-RD-2-TP-3552	Dạng rắn, hình thanh vuông, đồng nhất.
17	VD630 VD Vị		EVN-R-RD-2-TP-3552	Có vị ngọt đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ.
18	VD2PV VD 2,4-D	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
19	VD2Q6 VD (a) Aldicarb	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
20	VD2TG VD (a) Azinphos-methyl	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
21	VD2PY VD (a) Carbofuran	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
22	VD2S6 VD (a) Chlorantraniliprole	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
23	VD2PD VD (a) Clothianidin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
24	VD2UB VD Cyhalothrin (bao gồm lambda-cyhalothrin)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
25	VD2Q0 VD (a) Cypermethrins (bao gồm alpha- và zeta - cypermethrin)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
26	VD2Q2 VD Dicamba	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
27	VD2Q4 VD (a) Ethoprophos	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
28	VD2SD VD (a) Imazapic	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
29	VD2P5 VD Isoxaflutole	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
30	VD2SF VD Mesotrione	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
31	VD2PH VD (a) Novaluron	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
32	VD2R5 VD (a) Propiconazol (Tổng các đồng phân)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
33	VD2QT VD (a) Tebufenozid	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
34	VD2TK VD (a) Trinexapac-ethyl	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.05)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCMLý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 07/11/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 07/11/2023.

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sac Ky Hai Dang xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sac Ky Hai Dang.(a) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.
"EXT": Các phép thử này được thực hiện bởi các nhà thầu phụ không thuộc hệ thống Eurofins.

ANALYTICAL REPORT

Sample Code : 743-2023-00135234
Analytical Report : AR-23-VD-143306-01-EN / EUVNHC-00237837



BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK COMPANY

Bien Hoa Industiral Zone 1, An Binh Ward, Bien Hoa City
Dong Nai Province, VIETNAM

Sample described as: Natural Slab Sugar
Conditioning: The sample is kept in ziplock bag
Sample reception date: 19/10/2023
Analysis Time : 20/10/2023 - 30/10/2023
Client due date : 02/11/2023
Your purchase order reference: NA9J2310192419

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
1	VD340 VD (a) <i>Coliforms</i>	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Not detected (LOD=10)
2	VD354 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	MPN/ g	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)	Not detected (LOD=0)
3	VD368 VD (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)	Not Detected
4	VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ g	AOAC 975.55	Not detected (LOD=10)
5	VD325 VD (a) Aerobic Plate Count	cfu/ g	TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1:2013)	Not detected (LOD=10)
6	VD0GC VD Total spores of yeasts & moulds	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Not detected (LOD=10)
7	VD290 VD (a) Sulphur dioxide (SO ₂)	mg/ kg	AOAC 990.28	Not detected (LOD=3)
8	VD638 EXT Pol value at 20°C	°Z	GS 1/2/3/9 - 1(2011) ICUMSA	83.9
9	VD855 VD (a) Cadmium (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Not detected (LOD=0.01)
10	VD861 VD (a) Lead (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Not detected (LOD=0.017)
11	VD856 VD (a) Arsenic (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Not detected (LOD=0.01)
12	VD857 VD (a) Mercury (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Not detected (LOD=0.007)
13	VDG3L VD (a) Glyphosate	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5204	Not detected (LOD=0.003)
14	VD630 VD Appearance		EVN-R-RD-2-TP-3552	Solid, square bar shape, uniform.
15	VD630 VD Color		EVN-R-RD-2-TP-3552	Yellow-brown to brown color, specific of product.

ANALYTICAL REPORT

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
16	VD630 VD Odor		EVN-R-RD-2-TP-3552	Odor aroma specific of product, no strange odor.
17	VD630 VD Taste		EVN-R-RD-2-TP-3552	Specific sweetness of the product, no strange taste
18	VD2PV VD 2,4-D	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
19	VD2Q6 VD (a) Aldicarb	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)
20	VD2TG VD (a) Azinphos-methyl	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)
21	VD2PY VD (a) Carbofuran	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
22	VD2S6 VD (a) Chlorantraniliprole	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
23	VD2PD VD (a) Clothianidin	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
24	VD2UB VD Cyhalothrin and lambda-cyhalothrin	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
25	VD2Q0 VD (a) Cypermethrins (including alpha- and zeta - cypermethrin)	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
26	VD2Q2 VD Dicamba	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
27	VD2Q4 VD (a) Ethoprophos	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
28	VD2SD VD (a) Imazapic	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
29	VD2P5 VD Isoxaflutole	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
30	VD2SF VD Mesotrione	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
31	VD2PH VD (a) Novaluron	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
32	VD2R5 VD (a) Propiconazole (sum of isomers)	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)
33	VD2QT VD (a) Tebufenozide	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
34	VD2TK VD (a) Trinexapac-ethyl	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.05)

LOD: Limit Of Detection.

ANALYTICAL REPORT

SIGNATURE

Nguyễn Anh Vũ
HCMC Lab Manager



Lý Hoàng Hải
Managing Director

Report electronically validated by Nguyễn Anh Vũ 07/11/2023, and electronically approved by Lý Hoàng Hải 07/11/2023.

EXPLANATORY NOTE

This document can only be reproduced in full; it only concerns the submitted sample.

Results have been obtained and reported in accordance with our general sales conditions available on request.

The tests are identified by a five-digit code, their description is available on request.

All test methods begin with characters EVN; A39; N79; EHC are internal methods developed by Eurofins Sac Ky Hai Dang.

"VD": These tests were performed in laboratory Eurofins Sac Ky Hai Dang (Ho Chi Minh). The symbol (a) identifies the tests performed by this laboratory under accreditation ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

"EXT": The tests were performed in a subcontracting laboratory that is not in Eurofins group.